

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG ĐỒNG THÁP**



GIÁO TRÌNH

MÔN HỌC: HOA CÂY CẢNH

NGÀNH, NGHỀ: BẢO VỆ THỰC VẬT

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

(Ban hành kèm theo Quyết định Số: /QĐ-CĐCD-ĐT ngày... tháng... năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp)

Đồng Tháp, năm 2017

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Giáo trình Hoa cây cảnh được biên soạn trên cơ sở kế hoạch đào tạo ngành Bảo vệ thực vật, Khoa học cây trồng của Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp. Giáo trình này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất kỹ thuật canh tác và chăm sóc một số loại hoa cây cảnh phổ biến ở đồng bằng sông Cửu Long.

Trong khi biên soạn, tập thể tác giả đã bám sát phương châm giáo dục gắn liền lý luận với thực tiễn. Nội dung giáo trình này gồm 5 chương:

Chương 1: Tình hình sản xuất, tiêu thụ hoa và cây cảnh

Chương 2: Yêu cầu điều kiện ngoại cảnh

Chương 3: Vườn ươm, phương pháp nhân giống hoa kiểng

Chương 4: Một số biện pháp kỹ thuật trong sản xuất hoa

Chương 5: Kỹ thuật trồng một số loại cây trồng chính

Tập thể tác giả cảm ơn sự đóng góp ý kiến cho việc biên soạn cuốn giáo trình này.

Đây là cuốn giáo trình được biên soạn công phu, nhưng chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của đồng nghiệp và các độc giả.

Xin chân thành cảm ơn.

Đồng Tháp, ngày.....tháng ... năm 2017

Tham gia biên soạn

1. Phan Thị Thanh Tuyền
2. Nguyễn Thị Huyền Trang

MỤC LỤC

Trang

LỜI GIỚI THIỆU	ii
Chương 1 TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ HOA KIÈNG	1
1.1. Trên thế giới	1
1.2. Trong nước	2
1.3. Thuận lợi và khó khăn của ngành sản xuất hoa của nước ta và của tỉnh Đồng Tháp	3
1.3.1. Thuận lợi.....	5
1.3.2. Khó khăn	5
CÂU HỎI ÔN TẬP	7
Chương 2 YÊU CẦU ĐIỀU KIỆN NGOẠI CẢNH	11
3.1. Nhiệt độ.....	11
3.2. Ẩm độ	15
3.3. Ánh sáng	16
3.4. Đất và dinh dưỡng	19
CÂU HỎI ÔN TẬP	26
Chương 3 VƯỜN ƯƠM, PHƯƠNG PHÁP NHÂN GIỐNG HOA KIÈNG.....	28
4.1. Vườn ươm	28
4.2. Các phương pháp nhân giống.....	29
CÂU HỎI ÔN TẬP	40
Chương 4 MỘT SỐ BIỆN PHÁP KỸ THUẬT TRONG SẢN XUẤT HOA	41
5.1. Kỹ thuật tỉa cành, tạo tán	41
5.2. Một số ứng dụng của chất điều hòa sinh trưởng trong nghề trồng hoa	41
5.3 Thu hoạch, đóng gói, bảo quản hoa	42
CÂU HỎI ÔN TẬP	48
Chương 5 KỸ THUẬT TRỒNG MỘT SỐ LOẠI CÂY TRỒNG CHÍNH	49
6.1 Kỹ thuật trồng hoa cúc đồng tiền.....	49
6.2 Kỹ thuật trồng hoa hồng	52
6.3 Kỹ thuật trồng hoa lay ơn	57
6.4 Kỹ thuật trồng hoa huệ	61
6.5 Kỹ thuật trồng hoa lan	63
6.6 Kỹ thuật trồng kiểng bonsai	69
6.7 Kỹ thuật trồng hoa mai.....	72
CÂU HỎI ÔN TẬP	76
TÀI LIỆU THAM KHẢO	85

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: HOA CÂY CẢNH

Mã môn học: NN447

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:

- Vị trí: Là môn học chuyên ngành được bố trí sau khi sinh viên đã học xong các môn học cơ sở..

- Tính chất: Đây là một trong những môn học kỹ năng quan trọng giúp cho sinh viên có kiến thức kỹ thuật trồng hoa và cây cảnh.

Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức: Trình bày được kỹ thuật canh tác một số loại hoa cây cảnh: mai vàng, hồng, huệ, lan, bon sai, cúc mâm xôi...; kỹ thuật ra ngôi hoa lan.

- Về kỹ năng:

+ Nhận diện được một số giống hoa, kiểng lá, kiểng công trình

+ Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và ra hoa

+ Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến sinh trưởng, các dáng thế của cây bon sai.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Học tập tích cực, chủ động trong quá trình học và có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Nội dung của môn học:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra (định kỳ)/Ôn thi, Thi kết thúc môn học
1	Chương 1: Tình hình sản xuất, tiêu thụ hoa và cây cảnh	2	2		

	1. Tình hình sản xuất hoa và cây cảnh trên thế giới 2. Tình hình sản xuất và tiêu thụ hoa cây cảnh ở châu Á 3. Tình hình sản xuất và tiêu thụ hoa cây cảnh ở Việt Nam 4. Những thuận lợi và sản xuất hoa ở Việt Nam				
2	Chương 2 Yêu cầu điều kiện ngoại cảnh 1. Nhiệt độ 2. Ẩm độ 3. Ánh sáng 4. Đất và dinh dưỡng	3	3		
3	Chương 3: Vườn ươm, phương pháp nhân giống hoa kiểng 1. Cấu tạo của vườn ươm 2. Nhà ươm cây, giá thể, phương pháp canh tác 3. Các phương pháp nhân giống Thực hành	15	3	12	
4	Chương 4: Một số biện pháp kỹ thuật trong sản xuất hoa 1. Sử dụng chất điều hòa sinh trưởng trong nghề trồng hoa 2. Một số ứng dụng cụ thể của chất điều hòa	7	3	4	

	sinh trưởng trong nghề trồng hoa 3. Thu hoạch, bảo quản, đóng gói hoa Thực hành				
5	Chương 5: Kỹ thuật trồng một số loại hoa chính 1. Kỹ thuật trồng hoa cúc 2. Kỹ thuật trồng hoa hồng 3. Kỹ thuật trồng hoa huệ 4. Kỹ thuật trồng hoa vạn thọ 5. Kỹ thuật trồng hoa lan 6. Kỹ thuật trồng kiểng bonsai 7. Cây cảnh làm bóng mát 8. Cây cảnh trang trí 9. Cây cảnh làm nền Thực hành	12	8	3	1TH
	Kiểm tra	1			1LT
	Ôn thi				
	Thi kết thúc môn học				
	Cộng	40	19	19	2

Chương 1

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ HOA KIỂNG

Mục đích của chương: Những khái quát về tình hình sản xuất và phát triển ngành trồng hoa, một số nước đang trồng hoa lớn trên thế giới và trong nước.

1.1 Trên thế giới

Giá trị thị trường hoa của thế giới ước lượng khoảng 100tỷ USD, trong đó diện tích hoa cắt cành khoảng 620.000 ha với 346.500 trại, chiếm khoảng 40tỷ USD (ITC, 2014).

Châu Âu có diện tích trồng hoa lớn nhất thế giới với khoảng 61.500 ha (riêng Hà Lan với diện tích khoảng 7.000 ha, hàng năm xuất khẩu khoảng 7tỷ bông cắt cành). Kế đến là châu Á có diện tích trồng hoa khoảng 453.000 ha; Nam Mỹ khoảng 45.000 ha; châu Phi khoảng 18.200 ha (chủ yếu do Hà Lan đầu tư trồng hoa cắt cành xuất khẩu sang châu Âu) (ITC, 2014).

Riêng châu Á, Trung Quốc là quốc gia có diện tích và doanh thu nhiều nhất, kế đến là Ấn Độ (Bảng 1.1)

Bảng 1.1 Diện tích hoa kiểng ở các nước châu Á (ITC, 2014)

Quốc gia	Diện tích (ha)	Năm	Triệu USD
Úc	4.189	2012/2013	218,00
Trung Quốc	169.081	2013	6.374,35
Đài Loan	4.929	2012	248,97
Hong Kong	153	2010	7,50
Ấn Độ	242.000	2013/2014	97,76
Nhật Bản	16.840	2008	3.138,59
Hàn Quốc	3.132	2012	747,17
Malaysia	2.000	205	127,44
Philippines	670	1995	3,75

Singapore	312	2004	33,73
-----------	-----	------	-------

Về tình hình xuất khẩu: Năm 2013 cả thế giới xuất khẩu khoảng 20,6 tỷ USD, trong đó: Hà Lan chiếm 52%, Colombia chiếm 15% (chủ yếu xuất khẩu sang Mỹ, Malaysia chiếm 1% (ITC, 2014).

Về thị trường tiêu thụ: Bắc Mỹ, châu Âu và Nhật Bản chiếm 80% thị trường hoa thế giới. Trong đó Đan Mạch đứng đầu về tiêu thụ hoa/đầu người, thứ 2 là Thụy Điển, thứ 3 là Áo, thứ 4 là Mỹ (ITC, 2014).

1.2 Trong nước

Đặc điểm vùng sản xuất hoa kiểng Việt Nam 15.000 ha (0,15%); doanh thu trên 10.000 tỷ đồng (Bảng 1.2)

Bảng 1.2: Đặc điểm sản xuất hoa ở một số vùng trong nước

Vùng	Đặc điểm
Hà Nội	Diện tích 2700 ha lili, hồng, lan. 80% thị trường trong nước, xuất 20%
TP Hồ Chí Minh	2090 ha, Hoa nền (Cúc, sống đời, mồng gà, huệ.vạn thọ) hoa lan (80ha), bosai Mai 277 ha Thị trường trong nước. Xuất sang Campuchia, Singapore, Nhật Bản
Lâm Đồng	2500-2600 ha, 3 tỷ cành, diện tích nhà kính 20 km ² . Công ty Agrivina có 1,1 km ² nhà kính
Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long	Đồng Tháp và Bến Tre Hoa thời vụ, Bonsai Kiểng cổ Thị trường TP Hồ Chí Minh và trong vùng

(Thống kê, 2014)

Về xuất khẩu: Nhìn chung sản lượng hoa xuất khẩu của nước ta từ 2012 đến 2014 có chiều hướng giảm (bởi vì diện tích dành cho nông nghiệp có chiều hướng bị thu hẹp dần). Tuy nhiên về giá trị xuất khẩu thì có chiều hướng tăng. Điều này

cho thấy nước ta đã có sự đầu tư về kỹ thuật để sản xuất hoa có giá trị cao hơn, phù hợp cho việc xuất khẩu (Bảng 1.3).

Bên cạnh đó, thị trường xuất khẩu chủ yếu của nước ta là Trung Quốc và theo con đường tiểu ngạch nên mặc dù sản lượng xuất khẩu sang nước này cao nhưng giá trị xuất khẩu thì thấp. Trong khi đó xuất khẩu sang Nhật đã đem lại giá trị xuất khẩu khá cao (Bảng 1.3).

Bảng 1.3: Tình hình xuất khẩu hoa của Việt Nam (theo DGCIS Annual Export)

Nước nhập khẩu	2012		2013		2014	
	Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu USD)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu USD)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu USD)
Nhật Bản	2.877,58	24,8	3.359,82	27,34	3.874,45	29,77
Hà Lan	227,71	3,28	187,39	2,95	154,48	2,7
Úc	143,55	0,69	257,21	1,36	334,99	1,94
Trung Quốc	4.027,24	0,86	171,42	0,97	433,69	1,83
Bỉ	14,03	0,78	14,77	0,85	13,79	0,85
Hàn Quốc	238,35	0,66	168,49	0,73	146,77	0,81
Mỹ	44,19	0,64	47,55	0,68	47,01	0,65
Thái Lan	56,39	0,12	61,33	0,18	224,33	0,56
Canada	2,07	0,32	1,93	0,46	0	0,46
Denmark	41,54	0,24	75,16	0,28	119,73	0,35
Singapore	0	0,25	35,41	0,17	59,18	0,29
Hong Kong	2,9	0,13	3,62	0,16	4,59	0,18
Nước khác	682,98	1,73	257,09	0,75	89,51	0,48
Tổng cộng	8.358,53	34,50	4.641,19	36,88	5.502,52	40,87